

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI ANT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI ANT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANT VIET NAM INVESTMENT AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ANT VN CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107467372

3. Ngày thành lập: 09/06/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

K52, CT10C, KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0462911622

Fax:

Email: Antvietnamco.ltd@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... Sản xuất túi đựng nữ trang Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào dậu, vỉ, lưới, vải... Sản xuất đinh hoặc ghim Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự Sản xuất các sản phẩm đinh vít Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như : Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng Sản xuất các chi tiết kim loại khác như + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo , + Chuông, + Đường ray tàu hoả, + Móc gài, khoá, bản lề Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược	2599
3.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
4.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
5.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
6.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
7.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
8.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
9.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
10.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731

11.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
12.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
13.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
14.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
15.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện Sản xuất chuông điện Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay tiết:	2790
16.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm khác từ nhựa	2220
17.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
19.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
20.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
21.	Chăn nuôi lợn	0145
22.	Chăn nuôi gia cầm	0146
23.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
24.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
25.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
26.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
27.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
28.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
29.	Sản xuất giống thủy sản	0323
30.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
31.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
32.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
34.	Bốc xếp hàng hóa	5224

35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
36.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
37.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
39.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
40.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
41.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
44.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
45.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
46.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi Sửa chữa dây, đòn bẫy, buồm, mái che Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hoá, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự Dịch vụ phục vụ đàn organ và nhạc cụ tương tự	3319

47.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt máy công nghiệp trong các nhà máy công nghiệp Lắp đặt thiết bị kiểm soát quá trình công nghiệp Tháo dỡ các máy móc và thiết bị cỡ lớn Hoạt động của thợ cổi xay Máy làm đôn bầy Lắp đặt các thiết bị chơi bowling	3320
48.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
49.	Xây dựng nhà các loại	4100
50.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
51.	Xây dựng công trình công ích	4220
52.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như + Các nhà máy lọc dầu; + Các xưởng hoá chất Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; + Đập và đê Xây dựng đường hầm Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời	4290
53.	Phá dỡ	4311
54.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

59.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc Thử độ ẩm và các công việc thử nước Chống ẩm các toà nhà Chôn chân trụ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất Uốn thép Xây gạch và đặt đá Lợp mái bao phủ toà nhà Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao Các công việc dưới bề mặt Xây dựng bể bơi ngoài trời Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà Thuê cần trục có người điều khiển	4390
60.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
61.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
62.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
63.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
64.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Loại Nhà nước cho phép)	8299
68.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn và thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp Tư vấn và thiết kế cơ điện công trình xây dựng Giám sát công tác lắp đặt phần mềm và thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp	7110(Chính)
69.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
70.	(Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định pháp luật).	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ TÚ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 05/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183611096

Ngày cấp: 28/06/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, Xã Cẩm Hà, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P2909, CT6T Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH TÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/04/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 187010472

Ngày cấp: 18/03/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 8, Xã Quỳnh Minh, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đội 4, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội